TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:78/2021/DS-PT
Ngày:12-5-2021
V/v:"Tranh chấp
HĐ cầm cố tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long*: Bà **Trần Ngọc Bích** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLPT-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc: tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:07/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2021/QĐ-PT, ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đ. Th. T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp A. P, xã Ph. Th, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Số 10/1, ấp Ph. H, xã H. Ph, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Ph. Th. H**, sinh năm 1982.

2.2. Bà **Ng.Th. M. L**, sinh năm 1985.

Người đại diện hợp pháp của bà Ng. Th. M. L là ông Ph. Th. H.

Cùng địa chỉ: Ấp Ph. Đ, xã S. Ph, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

3**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: ông L. C. Th, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Ph. H., xã S. Ph, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

4. Do có kháng cáo của nguyên đơn bị đơn ông Ph. Th. H và bà Ng. Thị M. L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2020 và và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đ. Th. T *trình bày*:

Vào ngày 30/2/2019, ông H, bà L có đến nhà của bà T để cầm 01 chiếc xe tải biển số: 64C-05674 số tiền là 60.000.000 đồng có làm giấy tay, có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Đến tháng 05/2019 có trả được số tiền vốn là 24.000.000 đồng, không đóng lãi, số tiền lãi từ tháng 02/2019 đến tháng 05/2019 bà Tuyết không yêu cầu ông H, bà L trả. Còn nợ lại 36.000.000 đồng, có ghi biên bản nhận nợ ngày 20/5/2019 nhưng đến nay chưa trả. Nay bà T yêu cầu ông H, bà L trả số vốn 36.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/12/2020 là 16 tháng với lãi suất là 1%/tháng thành tiền 5.760.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.240 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả dứt nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và các lời khai khác trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Ph. Th. H và bà Ng. Th. Ln trình bày*:

Vào tháng 02/2019 vợ chồng ông H, bà Liên có đến tiệm cầm đồ của bà T tên là Công Thành để cầm chiếc xe tải số: 64C-05674, kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Thanh Bình đứng tên, không nhớ rõ số thửa, diện tích là bao nhiêu với số tiền 80.000.000 đồng nhưng hiện nay hợp đồng cầm cố (biên nhận) ông H không giữ mà do bà T giữ. Khi cầm đồ có làm giấy tay tại nhà bà T, vợ chồng ông H, bà L không giữ bất cứ giấy tờ gì. Không thỏa thuận thời hạn cầm, thỏa thuận miệng lãi suất là bao nhiêu không biết nhưng bà Tt có đến nhà thu 04 lần lãi là 8.000.000 đồng từ tháng 02/2019 đến tháng 05/2019 nhưng không trả vốn.

Đến ngày 20/5/2019 bà T có kêu ông H lại nhà bà Tt xác nhận số tiền nợ lãi là 36.000.000 đồng, có ký biên nhận nhận nợ là 36.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 tháng, không tính lãi. Ông H thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là chữ ký của ông H.

Chiều cùng ngày 20/5/2019 ông H cầm số tiền 80.000.000 đồng đến nhà bà T để trả số tiền vốn, khi trả có làm giấy tay, giấy tay bà T giữ hiện nay ông H, bà L không có giữ. Khi trả tiền thì có chồng bà T và người làm của bà T chứng

kiến, trả tiền xong thì bà T đã trả cho ông H giấy tờ xe và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông H. Nay vợ chồng ông H, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L. C. Th trình bày*: Ông Th thống nhất theo lời trình bày của bà T không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST, ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 309, Điều 311. Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ. Th. T.

Buộc ông Ph. Th. H, bà Ng. Th. M. L có trách nhiệm trả cho bà Đ. Th. T số tiền vốn 36.000.000 đồng và lãi là 5.760.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.760.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Vào ngày 27/01/2021 bị đơn ông Ph.Th. H và bà Ng. Th. M. L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Th.T. Không đồng ý trả cho bà Đ. Th. T số tiền vốn và lãi là 41.760.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Ph. Th. H, trình bày: vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì số tiền 36.000.000 đồng là tiền lãi mà phía nguyên đơn yêu cầu tôi ghi biên nhận ngày 20/5/2019.

- Nguyên đơn bà Đ. Th. T trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tôi đồng ý chỉ yêu cầu phía bị đơn trả số tiền vốn là 36.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận tuy nhiên tại phiên tòa phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn 36.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn trả lãi. Do đó ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy

đủ, toàn diện, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp án phí đầy đủ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm theo Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1] Xét nội dung: Ông H và bà L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Th. T. Không đồng ý trả cho bà Đ. Th. T số tiền vốn và lãi là 41.760.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào tháng 02/2019 vợ chồng ông H, bà Lcó đến tiệm cầm đồ của bà T tên là Công Thành để cầm chiếc xe tải số: 64C-05674, kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Thanh Bình đứng tên với số tiền là 60.000.000 đồng. Đến ngày 20/5/2019 bà T có kêu ông H lại nhà bà T xác nhận số tiền nợ lãi là 36.000.000 đồng, có ký biên nhận nhận nợ là 36.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 tháng, không tính lãi. Ông H thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là chữ ký của ông H. Đây là sự việc các bên thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên ông H cho rằng ông đã trả bà T số tiền trên nên không đồng ý trả tiếp nhưng đây chỉ là lời trình bày của ông H, bà L ngoài ra không có căn cứ nào chứng minh cho việc mình đã trả hết nợ cho bà T. Tại phiên tòa hôm nay ông H, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa phía bị đơn bà T chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn gốc là 36.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn trả lãi, do đó ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[2.4] Từ những phân tích trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bị đơn ông Ph. Th. H và bà Ng Th. M. L. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn, không yêu cầu bị đơn trả lãi. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên ông Ph. Th. H và bà Ng. Th. M. L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bị đơn ông Ph. Th. H. và bà Ng. Th. M. L. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn, không yêu cầu bị đơn trả lãi. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 309, Điều 311. Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết.

Buộc ông Ph. Th. H, bà Ng. Th. M. L có trách nhiệm trả cho bà Đ. Th. T số tiền vốn 36.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Ph. Th. H và bà Ng. Th. M. L nộp 1.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Hoàn trả cho bà Đ. Th. T 1.017.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0010304 ngày 03/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Ph. Th. H và bà Ng. Th. M. L mỗi người 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc theo các biên lai thu số 0010850, 0010851 ngày 03/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01;*
- *VKSNDTVL: 02;*
- *TNV: 01;*
- *TAND h Tam Bình: 01;*
- *Chi Cục THADS h Tam Bình: 01;*
- *Các Đ/s: 15 ;*
- *Lưu: 04.*

Vương Minh Tâm